

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/12/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KT, TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hiệp và ông Phạm Văn Chỉ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bốn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KT tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Danh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện KT, tỉnh HD.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn (Nguyễn Thị L) trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Dũng, huyện KT, tỉnh HD vào ngày 27/11/1999. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 1 – 2 năm sau thì anh T lười lao động, bắt đầu có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau; chị và gia đình hai bên động viên, khuyên bảo nhiều lần thì anh T có thay đổi. Đến năm 2018, anh T tiếp tục quan hệ ngoại tình với 01 người phụ nữ, chị biết việc anh T quan hệ ngoại tình qua những tin nhắn trên zalo và ảnh chụp 02 người với nhau; sau đó có lần 02 con chị phát hiện anh T và người phụ nữ đó vào nhà nghỉ Quang Cảnh ở Lai Khê và có báo cho chị biết, nhưng chị chỉ bảo các cháu theo dõi rồi đi về. Chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng mỗi lần chị khuyên bảo anh T đều chửi bới, đánh đập chị. Vì

gia đình nên chị cố gắng chịu đựng, đến đầu năm 2022 anh T thường xuyên đăng tin yêu thương, ảnh của anh T chụp cùng người phụ nữ đó lên facebook rồi về lấy tiền của gia đình đem cho người phụ nữ đó. Anh T còn đánh, đuổi chị ra khỏi nhà và tuyên bố sẽ đưa người phụ nữ đó về gia đình chung sống vì người phụ nữ đó đã có thai với anh ta. Hiện nay chị và anh T vẫn chung sống cùng nhà, vì con cái nên chị vẫn phải nấu cơm để các cháu ăn và anh T vẫn ăn cùng, vợ chồng chị không còn quan hệ tình cảm. Đến nay, chị xác định vợ chồng tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Danh T.

2. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân thì chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 12/10/2000 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 11/12/2004; do cháu Ph trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Danh T, hiện nay cháu T chưa đủ 18 tuổi nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu; do chỉ còn khoảng 02 tháng nữa cháu T đủ 18 tuổi nên chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Quan điểm của bị đơn***: Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Cháu Nguyễn Danh T (con chị L và anh T) khai*: Hiện nay cháu đang học Trường cao đẳng nghề Hải Dương. Cách đây khoảng 3 – 4 năm thì bố mẹ cháu phát sinh mâu thuẫn do bố cháu ghen tuông vô cớ với mẹ cháu; bố cháu ngoại tình với người phụ nữ khác và đăng ảnh lên Zalo, chị gái cháu là Nguyễn Thị Ph đã phải trực tiếp gặp người phụ nữ đó nói chuyện. Mẹ cháu và chị em cháu đã nói chuyện, khuyên bảo bố cháu nhiều lần nhưng bố cháu không thay đổi mà còn không chịu làm ăn, lấy tiền của mẹ con cháu để đi với người phụ nữ đó rồi về gia đình chửi bới, đánh đập mẹ cháu nhiều lần. Nay mẹ cháu yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho mẹ cháu được ly hôn và cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ để đảm bảo ổn định cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập.

- *Xác minh tại Công an xã Cổ Dũng, KT, HD*: Anh Nguyễn Danh T, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện KT, tỉnh HD. Hiện nay anh T đang cư trú và sinh sống tại thôn Bắc, xã Cổ Dũng, huyện KT, tỉnh HD.

- *Bà Đoàn Thị H (là mẹ đẻ anh T) khai*: Anh Nguyễn Danh T và chị Nguyễn Thị kết hôn vào năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị L về gia đình bà sinh sống đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà mong muốn vợ chồng chị L, anh T đoàn tụ, nếu chị L cương quyết xin ly hôn anh T thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao tận tay cho anh T, anh T đã đọc còn anh T có đến Tòa án làm việc

hay không thì bà không biết.

- *Xác minh tại UBND xã Cổ Dũng, KT:* Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Danh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Cổ Dũng, huyện KT, tỉnh HD vào ngày 27/11/1999. Quá trình vợ chồng L, T sinh sống có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay chị L làm đơn xin ly hôn anh T. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Danh T. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 12/10/2000 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết; giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 11/12/2004; thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung tính từ tháng 11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Cổ Dũng, huyện KT, tỉnh HD nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện KT, tỉnh HD theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 25/11/2022, Tòa án nhân dân huyện KT đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên

tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Danh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Dũng, huyện KT, tỉnh HD vào ngày 27/11/1999 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị L, anh T phát sinh mâu thuẫn; mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh T cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh T đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tham gia phiên hòa giải, xét xử nhưng anh T đều vắng mặt; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn không thể hiện nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Quan điểm của chị L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn; do vậy, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn với anh Nguyễn Danh T.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 12/10/2000 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 11/12/2004; do cháu Ph trên 18 tuổi, chị L không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Danh T, hiện nay cháu T chưa đủ 18 tuổi nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, chị có công việc và thu nhập ổn định, được gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện hỗ trợ về chỗ ở cũng như kinh tế trong việc nuôi con; cháu Nguyễn Danh T khi Tòa án lấy lời khai có nguyện vọng được ở với mẹ. Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng anh T đều không chấp hành. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập, cần giao cháu Nguyễn Danh T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với việc nuôi con chung tính từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ:* Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L:*

2.1 *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Danh T.

2.2 *Về con chung:* Xác định chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Danh T trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 12/10/2000 và cháu Nguyễn Danh T, sinh ngày 11/12/2004. Cháu Nguyễn Thị Ph đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Danh T; thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 11/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu anh Nguyễn Danh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

2.3 *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KT, tỉnh HD theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004853 ngày 11/10/2022. Đương sự đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Ân xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện KT.
- + Chi cục THADS huyện KT.
- + UBND xã Cổ Dũng, KT.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa

